

Già hóa dân số trong mối quan hệ kinh tế - xã hội trên thế giới

NGUYỄN QUỐC ANH

Dân số cao tuổi thế giới đã và đang gia tăng với tốc độ ngày càng nhanh. Sự già hóa dân số nhanh có mối quan hệ chặt chẽ đối với tình hình phát triển kinh tế xã hội của từng quốc gia. Khi dân số bắt đầu chuyển sang cơ cấu già hóa thì nhóm người trong độ tuổi lao động lớn, lực lượng lao động dồi dào nhưng đồng thời cũng kéo theo việc thiếu công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Khi già hóa dân số tác động mạnh, lực lượng lao động giảm, đồng thời kéo theo quỹ phúc lợi xã hội phải lớn để giải quyết chính sách, chế độ cho nhóm người cao tuổi. Đây là một vòng tròn biểu hiện các mối quan hệ khăng khít giữa già hóa dân số và phát triển kinh tế-xã hội. Đặc biệt trong xu thế chung của toàn cầu hiện nay, tỷ lệ nghèo đói giảm nhanh, những chương trình chăm sóc sức khỏe, y tế, khám chữa bệnh đạt nhiều thành tựu to lớn. Chương trình Sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thành công ở nhiều quốc gia. Đời sống nhân dân nhiều khu vực được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ người cao tuổi tăng nhanh, nhiều quốc gia đã có tuổi thọ trung bình ở mức cao và già hóa dân số đang là xu thế tất yếu. Những điều này đòi hỏi cần sớm đánh giá xu thế già hóa dân số trong mối quan hệ phát triển kinh tế-xã hội để hoạch định được những chiến lược, kế hoạch dài hạn về phát triển bền vững.

1. Già hóa dân số chung trong phát triển kinh tế - xã hội toàn cầu

Năm 2004, dân số từ 65 tuổi trở lên trên thế giới ước tính khoảng 461 triệu người, tăng 10,3 triệu người chỉ sau có một năm trước đó (2003). Các dự báo cho thấy con số tăng tuyệt đối hàng năm về người cao tuổi sẽ tiếp tục đạt 10 triệu người/năm vào thập kỷ tới, tức là hơn 850.000 người mỗi tháng. Năm 1990, trên thế giới có 26 quốc gia có dân số cao tuổi ở mức ít nhất 2 triệu người. Năm 2000, đã có 31 quốc gia đạt dân số cao tuổi với mức đó và theo dự báo đến năm 2030 con số này sẽ là hơn 60 quốc gia. Gia tăng dân số cao tuổi từ trước đến nay luôn đồng nghĩa với các nước công nghiệp hóa ở châu Âu và Bắc Mỹ. Thực vậy, ngày nay các quốc gia công nghiệp hóa có tỷ lệ dân số cao tuổi cao nhất. Cho đến trước nửa đầu thế kỷ 21, một số quốc gia này sẽ có số lượng ông bà lớn hơn so với con cháu dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, các quốc gia kém phát triển cũng đồng thời có một số lượng lớn người cao tuổi và đang tăng nhanh, cụ thể có tới 60% dân số cao tuổi trên thế giới sống tại các quốc gia kém phát

triển và khoảng 279 triệu người. Vào năm 2030, tỷ lệ này theo dự đoán sẽ tăng đạt 71% (690 triệu người). Nhiều quốc gia kém phát triển đã và đang trải qua sự giảm mạnh về gia tăng dân số tự nhiên, điều tương tự như những gì đã diễn ra ở các quốc gia công nghiệp hóa trước đây.

Già hóa dân số thường được xác định bởi số người từ 65 tuổi trở lên (và đôi khi là dân số từ 60 tuổi trở lên). Hơn 19% dân số của Italia từ 65 tuổi trở lên khiến cho quốc gia này trở thành nước già nhất thế giới. Trừ Nhật Bản, 20 quốc gia có dân số cao tuổi cao nhất đều ở châu Âu. Tỷ lệ tương tự của Mỹ là tương đối "trẻ" so với tiêu chuẩn của châu Âu với ít hơn 13% dân số từ 65 tuổi trở lên. Mỹ là nước xếp thứ 38 trong số các quốc gia có dân số già nhất. Tỷ lệ này ở Mỹ chỉ tăng nhẹ vào thập kỷ đầu của thế kỷ 21 bởi nhóm người sinh ra trong thời kỳ bùng nổ dân số (trong khoảng từ 1946 đến 1964) bước vào tuổi 65. Từ năm 2011, sự già hóa của nhóm dân số này sẽ khiến cho tỷ lệ dân số cao tuổi của Mỹ đạt 20% vào năm 2030. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn thấp hơn so với phần lớn các quốc gia tại Tây Âu.

Bảng 1: Tỷ lệ dân số cao tuổi theo vùng địa lý năm 2000, 2015 và 2030

Vùng	Năm	Dân số 65 tuổi trở lên	Dân số 85 tuổi trở lên
Châu Á	2000	5.9	0.9
	2015	7.8	1.4
	2030	12.0	2.3
Châu Âu	2000	14.7	3.0
	2015	17.6	4.7
	2030	23.5	6.4
Mỹ La tinh/Caribe	2000	5.6	1.0
	2015	7.6	1.5
	2030	11.5	2.5
Trung Đông/Bắc Phi	2000	4.4	0.6
	2015	5.5	0.9
	2030	8.4	1.4
Bắc Mỹ	2000	12.4	3.3
	2015	14.7	3.9
	2030	20.0	5.4
Oceania	2000	10.1	2.3
	2015	12.4	3.1
	2030	16.3	4.4
Châu Phi tiểu Sahara	2000	2.9	0.3
	2015	3.1	0.4
	2030	3.6	0.5

Trong thế kỷ 21, châu Âu vẫn là khu vực có dân số cao tuổi lớn nhất thế giới. Quy mô dân số cao tuổi theo dự đoán sẽ tăng gấp đôi trong giai đoạn 2000-2030 tại

châu Á, châu Mỹ Latinh và Caribe. Già hóa đang diễn ra chậm hơn ở vùng tiểu sa mạc Sahara khi mà tỷ lệ sinh tương đối cao vẫn giữ cho dân số khu vực này ở mức "trẻ". Tuy nhiên, những con số trung bình theo khu vực này thường ẩn dấu những sự đa dạng lớn. Ấn Độ và Thái Lan có thể gần nhau về mặt địa lý nhưng Thái Lan già hóa nhanh hơn nhiều. Tương tự, nhiều quốc gia vùng Caribe (Caribe là vùng già nhất trong số các vùng kém phát triển trên thế giới) có tỷ lệ dân số cao tuổi cao hơn so với các nước láng giềng thuộc khu vực Trung Mỹ. Tuy nhiên, những tỷ lệ đơn giản không thể miêu tả được hết xu thế của gia tăng dân số cao tuổi. Mặc dù dân số cao tuổi vùng châu Phi tiểu Sahara sẽ thay đổi ít trong giai đoạn từ 2000 đến 2015 nhưng dân số này theo dự đoán sẽ tăng vọt lên tới gần 50%, từ 18,9 triệu người lên 28,1 triệu người khi mà tổng dân số toàn vùng tăng từ 651 triệu người lên đến 899 triệu người.

Bản thân dân số cao tuổi cũng đang già đi. Năm 2004, nhóm dân số cao tuổi nhất chiếm 18% trong tổng dân số cao tuổi toàn thế giới; 24% tại các quốc gia phát triển và 15% tại các quốc gia kém phát triển. Hơn một nửa dân số già nhất trên thế giới năm 2004 sống tập trung tại 6 nước gồm Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản, Đức và Nga. Tại nhiều quốc gia, nhóm dân số cao tuổi nhất đang tăng nhanh nhất. Vào những năm 90, tỷ lệ tăng trên phạm vi toàn cầu của nhóm dân số cao tuổi nhất thấp hơn so với tỷ lệ tăng của dân số cao tuổi nói chung, năm 1996-1997 chỉ có 1,3%. Tuy nhiên, chỉ một vài năm sau, khi nhóm người sinh ra trong thế chiến thứ nhất bước vào tuổi già thì nhóm dân số cao tuổi nhất bắt đầu tăng nhanh. Giai đoạn 1999-2000, tỷ lệ tăng dân số từ 80 tuổi trở lên trên thế giới đã tăng vọt và đạt 3,5%. Các nhà nhân khẩu học cho rằng tỷ lệ tăng cao sẽ vẫn tiếp tục diễn ra. Số người từ 80 tuổi trở lên sẽ đạt gần 50% trong giai đoạn 2000-2010 và 37% trong giai đoạn 2010-2020. Ngược lại, dân số từ 65 tuổi trở lên theo dự báo sẽ tăng lên 24% trong giai đoạn 2000-2010.

2. Phân loại xu thế nhân khẩu học về già hóa

Mức sinh. Mức sinh giảm tại các quốc gia công nghiệp hóa đã làm số con trung bình của một phụ nữ ở hầu hết các quốc gia phát triển giảm xuống dưới mức sinh thay thế ở mức 2,1 con. Mức sinh thấp và ổn định kể từ những năm cuối của thập kỷ 70 đã làm giảm số sinh mới và làm tăng số người cao tuổi của các quốc gia này. Giảm sinh tại các quốc gia kém phát triển đã và đang diễn ra nhanh hơn. Hầu hết các khu vực đều có sự sụt giảm lớn về mức sinh trong suốt 30 năm qua. Mặc dù tổng tỷ suất sinh vẫn ở mức 4,5 con tại Châu Phi và nhiều quốc gia ở Trung Đông, TFR tại châu Á và châu Mỹ La tinh đã giảm khoảng 50% (từ 6 xuống còn 3 con/phụ nữ) trong giai đoạn 1965-1995. Tổng tỷ suất sinh của các quốc gia kém phát triển hiện tại bằng hoặc thấp hơn so với mức sinh thay thế, nhất là tại Trung Quốc, quốc gia đông dân nhất trên thế giới. Năm 2000, một bộ phận lớn dân số thế giới ở các quốc gia có mức gần hoặc dưới mức sinh thay thế. Liên Hợp quốc dự báo rằng vào năm 2050, 3 trong số 4 quốc gia kém phát triển hiện nay sẽ có mức sinh thấp hơn mức sinh thay thế. Những nước có mức sinh cao có tỷ lệ người cao tuổi thấp và ngược lại. Khái niệm "chuyển đổi nhân khẩu học" được sử dụng để miêu tả quá trình thay

đổi nhanh của mức sinh và mức chết từ cao xuống thấp. Quá trình này được mô tả trước tiên bởi sự giảm sút trong tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh bởi các dịch bệnh lây nhiễm và kỹ sinh trùng được kiểm soát thông qua việc mở rộng các dịch vụ y tế công, các công trình và chương trình xoá bỏ dịch bệnh. Sự cải thiện tỷ lệ tử vong trong khi mức sinh vẫn ở mức cao dẫn đến một số lượng được sinh ra lớn và một số lượng lớn trẻ em bước vào tuổi trưởng thành.

Gia tăng tỷ lệ tử vong. Tại các quốc gia có tỷ lệ tử vong sơ sinh khá cao nhưng đang trong quá trình giảm, phần lớn những tiến triển về tuổi thọ là kết quả của việc cứu sống những trẻ nhỏ trong những năm đầu đời. Tử vong mẹ giảm cũng đồng thời góp phần làm tăng tuổi thọ. Khi tử vong mẹ và trẻ sơ sinh thấp, tuổi thọ sẽ đạt đến các nhóm tuổi cao hơn và trở thành nhân tố chính góp phần làm tăng tuổi thọ. Hầu hết các quốc gia ngày nay đang trải qua sự tăng lên về tuổi thọ. Ví dụ, một phụ nữ trung bình của Nhật Bản ở độ tuổi 65 vào năm 2000 có thể hy vọng sống thêm 22 năm nữa và mức tương tự đối với nam giới trung bình là hơn 17 tuổi.

Những thay đổi trong triển vọng sống. Sự gia tăng nhanh về tuổi thọ bắt đầu vào những năm 80 được cho là kết quả của sự vượt trội về y tế. Tuy nhiên, trong thực tế, tác động chính của việc tăng cường thuốc men và vệ sinh đã không diễn ra cho đến tận cuối của thế kỷ 19. Những cải cách quan trọng trong sản xuất và sự đóng góp của công nghiệp hóa và hiện đại hóa góp phần nâng cao dinh dưỡng có tác dụng lớn hơn trong việc giảm mức chết. Tuổi thọ của người dân Nhật Bản đã đạt mức 82 năm vào năm 2003, cao nhất trong số các quốc gia lớn trên thế giới. Tại một số nước phát triển, tuổi thọ đều ở mức ít nhất là 79 năm như Úc, Canada, Ý, Hà Lan, Thụy Sĩ và Thụy Điển. Tuổi thọ trung bình của Mỹ và hầu hết các quốc gia phát triển khác từ 76 đến 78 tuổi.

Thay đổi cấu trúc tuổi. Dân số bắt đầu già hóa khi tỷ lệ sinh giảm và sự cải thiện trong tỷ lệ tử vong. Thậm chí, số người sinh ra sẽ nhỏ hơn số người chết đi, dù cho xu hướng này có thể bị gián đoạn bởi "dư âm của bùng nổ dân số" (baby boom) khi mà số phụ nữ thuộc nhóm này bước vào độ tuổi sinh đẻ. Di cư quốc tế không đóng vai trò chính trong quá trình già hóa nhưng có thể lại quan trọng đối với những nhóm dân số nhỏ. Một vài quốc gia vùng Caribê đã trải qua sự gắn kết hơn giữa di cư của những người trong độ tuổi lao động, nhập cư của những người đã nghỉ hưu từ các quốc gia khác và sự quay trở lại của những người di cư cao tuổi. Tất cả 3 yếu tố này góp phần làm già hóa dân số.

3. Già hóa dân số trong phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam

Trong những năm gần đây, công tác Dân số/kế hoạch hóa gia đình Việt Nam đã có chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và kết quả. Mặc dù vậy, Việt Nam là một nước nghèo lại cùng một lúc phải giải quyết nhiều vấn đề kinh tế-xã hội gay gắt trên con đường phát triển, trong đó có vấn đề dân số với tất cả các khía cạnh của nó. Như vậy còn nhiều vấn đề cụ thể cần được thực hiện trong thời gian tới trong chương trình Dân số, Gia đình và Trẻ em, trong đó một vấn đề đã trở thành bức xúc, cần sớm được quan tâm đó là vấn đề an sinh người cao tuổi. Đây là

vấn đề mà chúng ta cần sớm thực hiện, như nhận định của các nhà dân số học thế giới : Quá độ mức sinh và mức chết từ cao xuống thấp dẫn đến những thay đổi sâu sắc về cấu trúc tuổi. Theo kết quả điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình tỷ lệ sinh giảm từ 30,04 phần nghìn năm 1993 xuống 18,6 phần nghìn năm 2005; tương ứng với số sinh giảm từ khoảng 1,6 triệu mỗi năm xuống 1,1 triệu năm. Khi mức sinh bắt đầu giảm đáng kể, cấu trúc tuổi chuyển hướng và dân số già hóa, tỷ lệ người cao tuổi tăng nhanh. Đặc biệt cùng với sự chuyển đổi nền kinh tế-xã hội kéo theo những thay đổi về nếp sống, đòi hỏi những hình thức dịch vụ phù hợp với hoàn cảnh xã hội về chăm sóc người cao tuổi, là đối tượng đã có nhiều cống hiến cho xã hội, cần được đặc biệt quan tâm.

Dân số Việt Nam có một đặc điểm riêng biệt khác với dân số các nước đang phát triển là, cũng có cơ cấu dân số trẻ nhưng tuổi thọ bình quân lại vào loại cao. Hiện nay, theo số liệu điều tra Biến đổi dân số/kế hoạch hóa gia đình năm 2002 của Tổng cục Thống kê, tuổi thọ bình quân của nam là 70 tuổi và nữ 73 tuổi thuộc vào loại cao trên thế giới. Tỷ lệ người già (65 tuổi trở lên) của Việt Nam là 6,7% năm 2005, cao như các nước đã phát triển và đã đạt mức sinh thay thế trong khu vực như Hàn Quốc, Singapore (6%). Cao hơn tỷ lệ chung của thế giới (5 %) và các nước có điều kiện hơn ta hoặc tương tự như ta, Thái Lan (5%), Myanmar (4%), Lào (3%). Tuổi thọ bình quân cũng nói lên khả năng sống lâu, vào năm 1990 phụ nữ Nhật 60 tuổi có khả năng sống thêm 24 năm, trong khi đó ở Philippin, Malaysia là khoảng 18 năm. Tương tự, nam ở Nhật là 20 năm và Philippin là 15,4 năm. Tỷ lệ người già ở Việt Nam tăng nhanh, theo báo cáo kết quả điều tra Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình ngày 1.4.2005 của Tổng cục Thống kê tỷ lệ người cao tuổi từ 65 trở lên là 6,7%. Sự già hóa dân số tăng rất nhanh, biểu hiện qua tỷ lệ phụ thuộc giảm nhanh chóng, 98% năm 1979, 86% năm 1989, 70% năm 1999 và 55% năm 2005.

Theo số liệu Tổng điều tra dân số của Tổng cục Thống kê, số người trên 60 tuổi năm 1979 là trên 3,7 triệu người, năm 1989 là 4,6 triệu, năm 1999 là 6,2 triệu người. Hiện nay theo số liệu của Trung ương Hội người cao tuổi có khoảng 8,2 triệu hội viên là người cao tuổi, số liệu này cũng phù hợp theo ước tính của Tổng cục Thống kê khoảng 8 triệu người trên 60 tuổi. Số người trên 65 tuổi là khoảng 5,5 triệu người. Tốc độ tăng cao của dân số của nước ta trong thời gian từ 1989-1993 là khoảng 2 % một năm, trong khi đó tốc độ tăng của nhóm người cao tuổi là khoảng 5,87 % một năm, gần gấp ba lần mức độ tăng dân số. Như vậy qua số liệu ta thấy tỷ lệ dân số người cao tuổi tăng lên rất nhanh, đặc biệt là trong những giai đoạn gần đây. Những giai đoạn sau chỉ sau 6 năm số người cao tuổi đã tăng lên nhanh hơn trong thời gian 10 năm trước, tức là tăng lên gấp 2-3 lần so với thời gian trước.

Trong giai đoạn 1990-2010, theo dự báo số người cao tuổi châu Á sẽ tăng 70 %, gấp đôi trong 20 năm tới. Đặc biệt đối với Việt Nam, tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng lên ngày càng nhanh với tỷ lệ rất lớn. Chúng ta hãy điểm qua một số tình hình về dự báo người cao tuổi Việt Nam qua các số liệu của Liên Hợp quốc. Điều cần chú ý là trong thời gian gần đây các phương án dự báo dân số của Liên Hợp quốc cho Việt Nam rất sát so với tình hình thực tế.

Bảng 2: Tỷ lệ người cao tuổi (60 tuổi trở lên) của Việt Nam (%)

Năm	Nữ	Nam
1970	7,3	5,9
1995	8,5	6,2
2025	12,9	9,4
2050	27,6	18,5

Như vậy số liệu dự báo cho thấy, dân số Việt Nam sẽ già hóa nhanh chóng và chỉ trong một số ít năm, sự tham gia trong lực lượng lao động xã hội của dân số người cao tuổi cũng cần được đặc biệt quan tâm. Với đặc điểm lực lượng lao động Việt Nam thiếu lao động có tay nghề và trình độ học vấn cao thì việc phát huy vai trò của lao động người cao tuổi là vấn đề quan trọng. Số liệu Tổng điều tra dân số 1999 có phản ánh tình trạng việc làm của người cao tuổi (60 tuổi trở lên). Tỷ trọng lao động của người cao tuổi trong tổng số dân 60 tuổi trở lên năm 1989 và 1999 thay đổi ít (26,7% và 25,3%). Lực lượng lao động của người cao tuổi ở nông thôn (28,0%) cao hơn khu vực thành thị (15,5%) và các cụ ông tham gia lao động cả hai khu vực (37,5% và 22,1%) nhiều hơn các cụ bà (21,2% và 10,7%). Tỷ trọng người cao tuổi lao động cao nhất ở đồng bằng sông Cửu Long (29,7%), thấp nhất ở Đông Nam Bộ (17,2%) và đồng bằng sông Hồng (22,9%). Người cao tuổi có xu hướng làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (84,8%) và hầu hết là những nghề giản đơn (84,3%). 61,5% số người lao động cao tuổi làm kinh tế hộ và 36,4% thuộc kinh tế tập thể.

4. Một số chính sách kinh tế - xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam

Khi trở về già con người có nhu cầu cần được chăm sóc theo những yêu cầu riêng biệt. Hiến pháp của nước ta năm 1992, Điều 41 đã quy định về bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, “Người cao tuổi,... được ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp cho xã hội phù hợp với sức khỏe của mình. Các cơ quan liên quan hướng dẫn chăm sóc, nghỉ ngơi và luyện tập bảo vệ sức khỏe cho người cao tuổi”. Chương trình an sinh và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở Việt Nam là rất cần thiết, nhất là trong quá trình chuyển hóa xã hội từ phát triển kinh tế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Con cái và nhiều thành viên trong gia đình bận nhiều hơn với công việc, nơi làm việc thường cách xa nhà... ít có thời gian dành cho gia đình, chăm sóc bố mẹ già. Đời sống đa dạng, phong phú hơn làm cho khả năng hoà nhập giữa các thế hệ ngày càng cách biệt... Do vậy cần sớm tổ chức, triển khai các vấn đề an sinh cho người già, xem xét đảm bảo những lĩnh vực cơ bản về người cao tuổi mà tổ chức Liên Hợp quốc đã khuyến nghị cho các quốc gia.

1. Đảm bảo cho người cao tuổi có cuộc sống không bị phụ thuộc.

Người già có những sở thích, nhu cầu riêng do vậy mong muốn có một cuộc sống không bị phụ thuộc là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng. Do điều kiện xã hội ta còn khó khăn, cũng thật áy náy khi nhiều cụ già hiện nay còn sống như là đại sứ lưu động qua nhà các con cháu, hoặc cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc vào con cháu.

Trong xã hội hiện nay có rất nhiều cụ cao tuổi nhưng vẫn đi làm, kể cả những việc nặng nhọc để đảm bảo có một cuộc sống độc lập. Đảm bảo cuộc sống không phụ thuộc cho mọi người, đặc biệt là người cao tuổi không còn phải coi việc có đông con cháu là nguồn bảo hiểm duy nhất cho tuổi già là nhu cầu chính đáng.

2. Đảm bảo được chăm sóc.

Người cao tuổi cần được chăm sóc sức khỏe như khám sức khỏe định kỳ, chế độ thuốc men thích ứng, chế độ ăn uống riêng phù hợp với người già. Đối với những người cao tuổi cô đơn cần có nhà an dưỡng để đảm bảo điều kiện được chăm sóc, sinh hoạt tập thể cho người cao tuổi. Hiện nay qua kinh nghiệm của các nước thì nhiều khi người cao tuổi cần có nơi an dưỡng đảm bảo sinh hoạt ngay cả khi con cháu có đủ điều kiện chu cấp nhưng vì còn bận trong việc kiếm sống và hoạt động xã hội. Ngay cả khi người cao tuổi sống tại gia đình thì việc chăm sóc người già tại gia đình cũng là vấn đề phải xem xét chu đáo, vì con cháu bận công việc và không có kiến thức chuyên môn về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

3. Quyền tham gia công việc của xã hội, cộng đồng

Thực tế trong cuộc sống người cao tuổi vẫn tích cực tham gia các hoạt động xã hội dưới nhiều hình thức. Nhiều người trông nom gia đình, con cháu, nội trợ giúp con cái an tâm dành thời gian cho công tác. Nhiều người tham gia những hoạt động kinh tế góp phần thu nhập cho gia đình, cũng có nhiều người cao tuổi thời gian này mới là thời gian dành cho những công việc theo ý thích của cá nhân, đọc sách, nghiên cứu, viết sách ở nông thôn các cụ vẫn thường tham gia công việc nông nghiệp, nghề phụ và chẳng có thời gian được nghỉ ngơi. Ở thành thị rất nhiều cụ đã tự nguyện tham gia các công việc đường phố mà không có suy tính thiệt hơn. Đặc biệt cũng không ít người khi về nghỉ lại có thu nhập cao hơn nhiều lần so với khi đi làm chính thức. Nhìn chung người cao tuổi vẫn có nhu cầu hoạt động xã hội, tham gia các công việc cho cộng đồng và nhiều khi những tham gia hoạt động chỉ là nhu cầu hoạt động xã hội, không vụ lợi, không nhằm mục đích chính là thu nhập, mưu cầu lợi ích kinh tế. Do vậy khi xây dựng kế hoạch, chương trình về người cao tuổi cần phải quan tâm, tạo điều kiện cho người cao tuổi có cơ hội, có quyền tham gia các hoạt động của xã hội, của cộng đồng hợp với sở thích, khả năng.

4. Tạo điều kiện phát huy bản sắc cá nhân

Sau một thời gian dài lao động trong khuôn khổ kỷ luật của xã hội, do nhu cầu cuộc sống, làm các công việc mình thích hoặc không thích, các công việc phù hợp theo sở trường hoặc không. Khi về nghỉ người cao tuổi sẽ làm những công việc mình thích, theo sở trường hoặc duy trì nếp làm việc như trước đây hoặc cũng sẽ còn một số người cao tuổi làm việc là để kiếm sống. Vì vậy nhu cầu hoạt động của người cao tuổi sẽ có những đặc thù riêng biệt, đòi hỏi xã hội phải có những chính sách riêng biệt nhằm duy trì, phát huy bản sắc cá nhân của nhóm người cao tuổi trong xã hội.

5. Quyền tôn trọng về nhân phẩm

Khi những người cao tuổi rời bỏ vị trí hoạt động của mình trong xã hội thường có tâm trạng tự ti, coi như giờ đây đã hết tác dụng, là nhóm dư thừa, ăn theo trong xã hội. Ngoài ra cũng do tác động của tâm lý nảy sinh trong cơ chế thị trường, nhóm người lao động nhiều khi cũng có những nhìn nhận sai lệch về nhóm người cao tuổi. Do vậy xã hội cần có chính sách phát huy, duy trì phong tục, nếp sống văn hóa dân tộc, tôn ti trật tự trong nếp sống gia đình tôn trọng người cao tuổi. Đảm bảo quyền nhân phẩm cho mọi người, đặc biệt làm đối với người cao tuổi.

Để giải quyết được những mối quan hệ về già hóa dân số và phát triển kinh tế-xã hội đòi hỏi sự phối hợp của nhiều Bộ, ngành như: Ủy ban quốc gia về người cao tuổi, Y tế, Dân số, Gia đình và Trẻ em, Văn hóa - Thông tin, Tư Pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Các tổ chức quần chúng Đảng, đoàn thể,... Điều khó khăn là làm sao phối hợp được các hoạt động theo từng chức năng của các Bộ, ngành vào trong một chương trình thống nhất, đồng bộ chung. Trong giai đoạn trước mắt cần tập trung vào một số các hoạt động cấp thiết như sau: Cần có cơ quan đầu mối, chuyên trách giúp Chính phủ hoạch định những chính sách, chiến lược tổng thể, lập kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để thực hiện chương trình người cao tuổi. Nghiên cứu, thí điểm, đánh giá các mô hình chăm sóc người cao tuổi để mở rộng, đáp ứng yêu cầu xã hội. Cần hoạch định những chương trình hành động ưu tiên phù hợp theo từng giai đoạn cụ thể về người cao tuổi để từng bước thực hiện nhằm giải quyết cơ bản vấn đề già hóa dân số cùng với các biến đổi xã hội. Đó cũng là việc mở rộng chương trình ra các lĩnh vực nhằm giải quyết các vấn đề phúc lợi gia đình và an sinh xã hội.

Những vấn đề nêu trên là những bộ phận cấu thành không thể tách rời của chương trình tổng thể nhằm phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Thế hệ hiện nay có trách nhiệm thực hiện, nhằm giải quyết một cách đồng bộ mục tiêu phát triển bền vững về phát triển chất lượng cuộc sống, chất lượng con người Việt Nam vì hạnh phúc của mỗi con người, mỗi gia đình, cho toàn nhân dân và vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê: *Điều tra Biến đổi dân số/kế hoạch hóa gia đình 2000-2005*.
2. Tổng cục Thống kê: *Tổng điều tra dân số 1979, 1989, 1999*.
3. Global Aging: The Challenge of Success, Population Bulletin, Population Reference Bureau, 3.2005.